



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

C.G.C.N.

M.S.D.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0100283802

ngày 23 tháng 9 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100283802 ngày 23 tháng 9 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát tham gia điều hành Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Thông	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tô	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên (<i>đến ngày 3/8/2015</i>)
Ông Phan Quang Bình	Thành viên
Ông Đào Hữu Khanh	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Thông	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 3/8/2015</i>)
Ông Đào Hữu Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chế Đình Tương	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 20/7/2015</i>)

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Văn Bình	Trưởng ban
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Phạm Hùng Sơn	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính
Số 8 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Miền Nam
Số 2 Hồng Hà và 60 Trường Sơn
Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 27-08-2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến trang 52. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán, nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-143-R



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.853.109.927.283	1.715.675.001.916
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	321.625.244.242	348.073.109.778
Tiền	111		122.690.683.519	161.928.664.306
Các khoản tương đương tiền	112		198.934.560.723	186.144.445.472
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.008.320.349	92.979.894.429
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	3.221.745.749	3.221.745.749
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	40.786.574.600	89.758.148.680
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.617.640.284	375.268.447.080
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	145.484.369.621	236.535.820.785
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.909.304.799	61.788.404.535
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	12.055.833.333	13.955.833.333
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	90.678.613.811	67.210.822.017
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(4.536.807.680)	(4.222.433.590)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		26.326.400	-
Hàng tồn kho	140	12	1.170.127.412.419	889.047.977.798
Hàng tồn kho	141		1.170.311.915.397	889.232.480.776
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(184.502.978)	(184.502.978)
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.731.309.989	10.305.572.831
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		640.366.692	793.946.278
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.232.189.778	8.883.861.710
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	20	2.518.872.950	438.105.422
Tài sản ngắn hạn khác	155		339.880.569	189.659.421

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		735.836.778.725	578.089.120.265
Các khoản phải thu dài hạn	210		119.476.210.778	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	117.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		2.476.210.778	-
Tài sản cố định	220		122.547.859.919	126.240.378.789
Tài sản cố định hữu hình	221	13	48.337.526.585	51.261.545.454
<i>Nguyên giá</i>	222		158.617.332.635	152.511.585.662
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(110.279.806.050)	(101.250.040.208)
Tài sản cố định vô hình	227	14	74.210.333.334	74.978.833.335
<i>Nguyên giá</i>	228		75.635.000.000	75.635.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.424.666.666)	(656.166.665)
Bất động sản đầu tư	230	15	210.664.584.211	216.402.866.917
<i>Nguyên giá</i>	231		245.226.684.465	245.008.056.665
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(34.562.100.254)	(28.605.189.748)
Tài sản dở dang dài hạn	240	16	92.460.937.171	50.402.902.778
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		92.460.937.171	50.402.902.778
Đầu tư tài chính dài hạn	250		182.637.587.462	176.514.858.641
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	182.559.587.462	176.514.858.641
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		78.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		8.049.599.184	8.528.113.140
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.560.667.634	2.296.264.595
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17	6.425.766.823	6.178.683.818
Tài sản dài hạn khác	268		63.164.727	53.164.727
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.588.946.706.008	2.293.764.122.181

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.401.762.168.012	1.242.449.341.295
Nợ ngắn hạn	310		1.369.716.066.948	1.236.665.767.272
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	203.283.213.752	289.268.479.134
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	842.006.833.301	542.938.330.374
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	4.275.352.927	45.794.948.995
Phải trả người lao động	314		16.362.087.484	45.826.272.601
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	161.334.221.584	206.107.853.783
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	53.388.723.227	50.076.743.679
Vay ngắn hạn	320	23(a)	82.458.782.084	50.136.524.925
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.376.434.285	1.376.434.285
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.230.418.304	5.140.179.496
Nợ dài hạn	330		32.046.101.064	5.783.574.023
Phải trả dài hạn khác	337		900.952.627	-
Vay dài hạn	338	23(b)	26.909.999.154	1.457.300.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		997.149.283	1.088.274.023
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.238.000.000	3.238.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.187.184.537.996	1.051.314.780.886
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.187.184.537.996	1.051.314.780.886
Vốn cổ phần	411	25	651.542.050.000	651.542.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	25	651.542.050.000	651.542.050.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(6.210.000)	(6.210.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	24	4.426.769.883	2.915.170.027
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	26.864.474.939	30.042.536.531
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	189.435.739.869	173.156.886.548
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		171.771.498.047	10.347.483.901
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.664.241.822	162.809.402.647
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	24	314.921.713.305	193.664.347.780
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.588.946.706.008	2.293.764.122.181

Người lập:

27-06-2015

Người duyệt:



Phạm Hồng Hiếu
Kế toán viên



Chu Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	246.289.994.684	574.809.369.712
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	2.278.950.181	5.134.791.221
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	244.011.044.503	569.674.578.491
Giá vốn hàng bán	11	29	205.906.140.381	520.341.802.982
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		38.104.904.122	49.332.775.509
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	5.539.034.258	9.507.085.093
Chi phí tài chính	22	31	2.384.664.147	4.259.279.367
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.383.875.891</i>	<i>4.256.603.821</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		19.545.658.821	13.634.312.996
Chi phí bán hàng	25		639.297.775	1.745.931.205
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	36.231.635.415	29.189.261.221
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		23.933.999.864	37.279.701.805
Thu nhập khác	31		1.172.593.505	515.420.396
Chi phí khác	32		699.974.169	1.127.532.228
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		472.619.336	(612.111.832)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.406.619.200	36.667.589.973
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	3.824.426.510	4.617.755.498
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(247.083.005)	2.330.552.769
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		20.829.275.695	29.719.281.706

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
				Đã phân loại lại
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		17.664.241.822	26.221.116.832
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.165.033.873	3.498.164.874
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	271	471
<hr/>				

27-06-2015

Người lập:



Phạm Hồng Hiếu
Kế toán viên

Người duyệt:





Chu Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	24.406.619.200	36.667.589.973
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	15.755.176.349	15.317.021.894
Các khoản dự phòng	03	314.374.090	4.408.140.781
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(24.791.187.965)	(23.136.186.553)
Chi phí lãi vay	06	2.383.875.891	4.256.603.821
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	18.068.857.565	37.513.169.916
Biến động các khoản phải thu	09	63.636.929.072	38.420.725.972
Biến động hàng tồn kho	10	(281.079.434.621)	85.759.834.206
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	135.502.055.213	(11.829.644.596)
Biến động chi phí trả trước	12	889.176.547	1.525.282.105
		(62.982.416.224)	151.389.367.603
Tiền lãi vay đã trả	14	(390.016.945)	(4.952.294.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(39.857.784.336)	(33.982.920.012)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.837.076.073)	(1.171.021.948)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(111.067.293.578)	111.283.130.891
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(48.382.409.166)	(2.160.283.031)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(162.455.513.408)	(23.702.866.842)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	96.327.087.488	74.585.234.947
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(78.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	46.979.739.200
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	18.480.435.256	23.794.226.140
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(96.108.399.830)	119.496.050.414

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền nhận góp vốn	31	135.125.000.000	899.927.273
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	184.139.621.931	18.583.395.116
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(126.464.865.615)	(138.863.785.529)
Tiền trả cổ tức	36	(13.583.528.300)	(31.423.408.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	179.216.228.016	(150.803.871.572)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(27.959.465.392)	79.975.309.733
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	348.073.109.778	294.240.599.725
Ảnh hưởng của quy đổi ngoại tệ	61	1.511.599.856	(12.259.024.161)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	321.625.244.242	361.956.885.297

27-08-2015

Người lập:



Phạm Hồng Hiếu
Kế toán viên

Người duyệt:



Chu Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tập đoàn, các hoạt động được cấp phép của Tập đoàn là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; đầu tư và phát triển hạ tầng và kinh doanh nhà;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Giáo dục mầm non; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; đào tạo cao đẳng; đào tạo đại học và sau đại học; giáo dục nghề nghiệp;
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Thi công, lắp đặt, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Quảng cáo;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, viễn thông;
- Sản xuất hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Mua bán hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Xuất nhập khẩu trang thiết bị, công nghệ, vật tư phục vụ sản xuất và nghiên cứu khoa học công nghệ;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nông nghiệp (kho, lán, trạm, trại);
- Thiết kế thông gió, cấp nhiệt đối với công trình xây dựng;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước và môi trường nước;
- Thiết kế cấp điện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình văn hóa và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn xây dựng, khảo sát xây dựng, lập dự án và quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị cơ khí, điều khiển tự động, điện lạnh, điện kỹ thuật, điện dân dụng, thủy khí, thang máy, máy xây dựng, thiết bị nâng hạ;
- Thiết kế, chế tạo máy và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư và cung cấp chuyên gia công nghệ cùng các dịch vụ khoa học kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 35kv;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Kinh doanh máy móc thiết bị;
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái; và
- Dịch vụ trông giữ phương tiện.

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, các hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh bất động sản, đầu tư và phát triển hạ tầng, kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản và xây dựng các công trình dân dụng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có 10 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2015: 10 công ty con và 2 công ty liên kết) chi tiết như sau:

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn tại ngày	
		30/6/2015	1/1/2015
Công ty con			
1 Công ty Cổ phần Hà Đô 1	Hà Nội	51%	51%
2 Công ty Cổ phần Hà Đô 23	Hà Nội	60%	60%
3 Công ty Cổ phần Hà Đô 4	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%
4 Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà (i)	TP. Nha Trang	30%	32%
5 Công ty Cổ phần Hà Đô - 756 Sài Gòn (i)	TP. Hồ Chí Minh	65%	38%
6 Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng - Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	Hà Nội	51%	51%
7 Công ty Cổ phần Tư vấn Hà Đô	Hà Nội	51%	51%
8 Công ty ty TNHH Một thành viên Đầu tư Quốc tế Hà Đô (ii)	Viên Chăn, Lào	100%	100%
9 Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Môi giới Bất động sản Hà Đô	Hà Nội	100%	100%
10 Công ty TNHH Một thành viên Quản lý - Vận hành - Khai thác Bất động sản Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty liên kết			
1 Công ty Cổ phần Za Hưng	Hà Nội	37%	37%
2 Công ty Cổ phần Thương mại Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	29%	29%

(i) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà (“Công ty Khánh Hà”) và Công ty Cổ phần Hà Đô - 756 Sài Gòn (“Công ty 756”), số vốn điều lệ mà Công ty được góp tương ứng là 60% và 63% trong tổng số vốn điều lệ của hai công ty này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mới đóng góp tương ứng là 30% (1/1/2015: 32%) số vốn điều lệ trong công ty Khánh Hà, đồng thời Công ty đã góp đủ vốn điều lệ trong Công ty 756 (1/1/2015: 38%). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã bổ nhiệm nhân sự của mình đảm nhận các vị trí điều hành chủ chốt tại hai công ty này và do đó đã nắm quyền kiểm soát các hoạt động của Công ty Khánh Hà và Công ty 756. Do đó, Công ty Khánh Hà và Công ty 756 được coi là các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015.

(ii) Công ty ty TNHH Một thành viên Đầu tư Quốc tế Hà Đô được thành lập tại Lào. Các công ty công ty con và công ty liên kết còn lại của Tập đoàn được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có tổng cộng 2.088 nhân viên (1/1/2015: 1.662 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(u)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, bất động sản đang xây dựng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng, giá gốc bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất, các chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, các chi phí quản lý xây dựng chung được phân bổ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 20 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 12 năm
▪ tài sản khác	2 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất và nhà cửa 5 – 20 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(l) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”)

Hoạt động của mỗi bên trong BCC liên quan đến việc sử dụng tài sản và nguồn lực của mỗi bên để thực hiện BCC. Báo cáo tài chính ghi nhận tài sản mỗi bên kiểm soát và nợ phải trả phát sinh trong quá trình thực hiện BCC và chi phí mỗi bên phát sinh và phần lợi nhuận mỗi bên có được từ việc thực hiện BCC.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới bất động sản đã bán ra và công trình xây dựng đã bàn giao trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản hoặc tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tài sản bị trả lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu từ hoạt động cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng; và
- Hoạt động khác.

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	23.180.539.929	209.903.912.674	10.926.591.900	-	244.011.044.503
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	7.195.888.785	92.620.648.000	8.751.111.641	(108.567.648.426)	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	30.376.428.714	302.524.560.674	19.677.703.541	(108.567.648.426)	244.011.044.503
Kết quả kinh doanh của bộ phận	23.954.198.178	12.012.741.206	702.421.756	(32.281.020.097)	4.388.341.043

Thu nhập khác

Chi phí khác

Phần chia lãi của công ty liên kết

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

1.172.593.505
 (699.974.169)
 19.545.658.821
 (3.824.426.510)
 247.083.005

Lợi nhuận thuần sau thuế

20.829.275.695

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30/6/2015	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	2.692.247.836.279	591.017.432.564	12.872.612.736	(889.750.763.033)	2.406.387.118.546
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	182.559.587.462	-	182.559.587.462
Tổng tài sản	2.692.247.836.279	591.017.432.564	195.432.200.198	(889.750.763.033)	2.588.946.706.008
Nợ phải trả của bộ phận	1.317.215.342.744	423.568.328.143	8.072.795.541	(347.094.298.416)	1.401.762.168.012
Tổng nợ phải trả	1.317.215.342.744	423.568.328.143	8.072.795.541	(347.094.298.416)	1.401.762.168.012
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn	258.276.592	6.034.598.181	42.271.352.575	(181.818.182)	48.382.409.166
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	(1.384.662.642)	(7.560.770.594)	(84.332.606)	-	(9.029.765.842)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(768.500.001)	-	-	-	(768.500.001)
Khấu hao bất động sản đầu tư	(5.956.910.506)	-	-	-	(5.956.910.506)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	326.818.936.713	225.158.729.300	17.696.912.478	-	569.674.578.491
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	2.058.367.994	104.633.994.590	7.295.076.319	(113.987.438.903)	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	328.877.304.707	329.792.723.890	24.991.988.797	(113.987.438.903)	569.674.578.491
Kết quả kinh doanh của bộ phận	5.063.430.440	12.306.307.581	1.099.315.046	5.176.335.742	23.645.388.809
Thu nhập khác					515.420.396
Chi phí khác					(1.127.532.228)
Phần chia lãi của công ty liên kết					13.634.312.996
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.617.755.498)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.330.552.769)
Lợi nhuận thuần sau thuế					29.719.281.706

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1/1/2015	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	1.849.754.400.378	620.133.934.839	5.042.377.307	(357.681.448.984)	2.117.249.263.540
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	176.514.858.641	-	176.514.858.641
Tổng tài sản	1.849.754.400.378	620.133.934.839	181.557.235.948	(357.681.448.984)	2.293.764.122.181
Nợ phải trả của bộ phận	891.585.422.114	426.108.731.894	2.975.880.185	(78.220.692.898)	1.242.449.341.295
Tổng nợ phải trả	891.585.422.114	426.108.731.894	2.975.880.185	(78.220.692.898)	1.242.449.341.295
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn	12.068.425.486	1.626.182.122	-	-	13.694.607.608
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	(1.402.499.597)	(8.251.196.190)	(68.863.507)	-	(9.722.559.294)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(1.333.332)	-	-	-	(1.333.332)
Khấu hao bất động sản đầu tư	(5.593.129.268)	-	-	-	(5.593.129.268)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	43.888.236.431	32.025.676.922
Tiền gửi ngân hàng	78.802.447.088	129.902.987.384
Các khoản tương đương tiền	198.934.560.723	186.144.445.472
	<hr/>	<hr/>
	321.625.244.242	348.073.109.778
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2015		1/1/2015			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	281.185	2.977.135.749	4.122.224.500	281.185	2.977.135.749	3.494.336.000
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần L/COGI 12	40.100	244.610.000	441.100.000	40.100	244.610.000	284.710.000
		<u>3.221.745.749</u>	<u>4.563.324.500</u>		<u>3.221.745.749</u>	<u>3.779.046.000</u>

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	30.805.513.408	(*)	79.769.420.165	(*)
▪ Tiền ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	9.981.061.192	(*)	9.988.728.515	(*)
	<u>40.786.574.600</u>	<u>(*)</u>	<u>89.758.148.680</u>	<u>(*)</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Địa chỉ	30/6/2015		1/1/2015	
		Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Za Hưng	Hà Nội	37%	182.146.967.557 (*)	37%	176.102.238.736 (*)
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	29%	412.619.905 (*)	29%	412.619.905 (*)
			182.559.587.462 (*)		176.514.858.641 (*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	176.514.858.641	153.917.065.941
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết trong kỳ	19.545.658.821	13.634.312.996
Cổ tức công bố trong kỳ	(13.500.930.000)	(17.438.700.000)
Số dư cuối kỳ	182.559.587.462	150.112.678.937

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khách hàng mua nhà chung cư dự án		
Nguyễn Văn Công - Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	17.499.821.496	17.499.821.496
Các khách hàng mua nhà 751B - TP. Hồ Chí Minh	9.397.939.011	9.397.939.011
Ban Quản lý Dự án thủy điện 7	7.188.904.544	7.188.904.544
Phải thu của khách hàng là công ty liên quan	417.521.600	8.417.994.871
Các khách hàng khác	110.980.182.970	194.031.160.863
	145.484.369.621	236.535.820.785

(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên kết	417.521.600	8.417.994.871

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải thu về cho vay – ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Các khoản vay cấp cho các cá nhân	12.055.833.333	13.955.833.333

Trong khoản vay cấp cho các cá nhân, có một khoản cho vay được đảm bảo bằng 190.159 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc và hưởng lãi suất cố định là 11,5%/năm.

(b) Phải thu về cho vay – dài hạn

Phải thu về cho vay - dài hạn thể hiện khoản vay cấp cho Công ty TNHH Một thành viên 756 để Công ty này góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Hà Đô - 756 Sài Gòn, một công ty con của Công ty. Khoản vay không chịu lãi suất và được đảm bảo bằng tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty TNHH Một thành viên 756 tại Công ty Cổ phần Hà Đô 756 - Sài Gòn và toàn bộ các quyền lợi phát sinh từ phần vốn góp.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tạm ứng (*)	74.094.469.444	52.777.845.655
Ký cược, ký quỹ	793.218.003	2.707.748.489
Phải thu khác	15.790.926.364	11.725.227.873
	90.678.613.811	67.210.822.017

(*) Các khoản tạm ứng cho nhân viên nhằm mục đích thực hiện các dự án xây dựng và bất động sản.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2015		1/1/2015					
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Bà Nguyễn Thị Lan	Trên 2 năm	3.415.000.000	1.707.500.000	1.707.500.000	Trên 2 năm	3.415.000.000	1.707.500.000	1.707.500.000
Xí nghiệp 3 (trước cổ phần hóa) Công ty TNHH Đầu tu và Xây dựng Thiên Trường	Trên 3 năm	314.374.090	314.374.090	-	Trên 3 năm	-	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng An Dương	Trên 3 năm	1.734.355.790	1.734.355.790	-	Trên 3 năm	1.734.355.790	1.734.355.790	-
	Trên 1 năm	2.601.926.000	780.577.800	1.821.348.200		2.601.926.000	780.577.800	1.821.348.200
		<u>8.065.655.880</u>	<u>4.536.807.680</u>	<u>3.528.848.200</u>		<u>7.751.281.790</u>	<u>4.222.433.590</u>	<u>3.528.848.200</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn 4.536.807.680

4.222.433.590

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.403.532.950	(184.502.978)	1.400.028.950	(184.502.978)
Bất động sản đang xây dựng	242.017.765.877	-	700.594.971.695	-
Các công trình xây dựng dở dang	909.246.206.604	-	169.759.193.333	-
Bất động sản đã hoàn thành	17.644.409.966	-	17.478.286.798	-
	1.170.311.915.397	(184.502.978)	889.232.480.776	(184.502.978)

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng chi phí vay được vốn hóa trong bất động sản đang xây dựng tương đương 534 triệu VND (năm kết thúc ngày 31/12/2014: 21 triệu VND).

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 184 triệu VND trị giá công trình xây dựng dở dang (1/1/2015: 184 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi tiết các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản và xây dựng dở dang như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án khu đô thị mới An Khánh - An Thượng	132.446.766.107	132.062.709.257
Dự án nhà N10 khu đô thị mới Dịch Vọng	323.539.597.333	270.138.610.172
Dự án khu đô thị mới Noong Tha, Viêng Chăn, Lào	205.599.367.138	173.132.353.746
Dự án trung tâm phức hợp Hà Đô - 756 Sài Gòn	138.447.030.077	25.151.056.373
Dự án chung cư CC1 Dịch Vọng, Hà Nội	21.897.940.659	21.877.779.659
Dự án chung cư CC3 Dịch Vọng, Hà Nội	11.496.001.423	11.490.814.423
Dự án nhà ở Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	55.744.809.590	53.336.762.007
Dự án xây dựng hội trường tỉnh Bắc Giang	17.847.197.468	13.048.768.157
Dự án cải tạo xây thô các lô nhà tại dự án Trung Hòa 2	13.960.716.364	-
Dự án nhà ở Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	17.644.409.966	17.478.286.798
Dự án Trung tâm Hội nghị thuộc Trung tâm Chính trị - Hành chính Tỉnh Trà Vinh	14.083.815.140	10.404.003.191
Dự án xây dựng đường Mường Típ từ mốc L8 đến mốc L10	12.073.721.674	6.293.111.516
Khác	204.127.009.508	153.418.196.527
	1.168.908.382.447	887.832.451.826

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	13.945.662.729	11.546.810.187	98.203.207.917	17.888.289.059	10.927.615.770	152.511.585.662
Tăng trong kỳ	-	193.148.792	5.912.598.181	-	-	6.105.746.973
Phân loại lại	-	(3.609.669.917)	982.569.445	2.627.100.472	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2015	13.945.662.729	8.130.289.062	105.098.375.543	20.515.389.531	10.927.615.770	158.617.332.635
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 1/1/2015	9.310.105.764	6.588.914.641	62.443.812.069	13.389.119.043	9.518.088.691	101.250.040.208
Khấu hao trong kỳ	649.557.273	741.960.044	5.859.500.991	1.072.634.987	706.112.547	9.029.765.842
Phân loại lại	-	(2.126.980.075)	793.066.988	1.333.913.087	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2015	9.959.663.037	5.203.894.610	69.096.380.048	15.795.667.117	10.224.201.238	110.279.806.050
Giá trị còn lại						
Số dư tại ngày 1/1/2015	4.635.556.965	4.957.895.546	35.759.395.848	4.499.170.016	1.409.527.079	51.261.545.454
Số dư tại ngày 30/6/2015	3.985.999.692	2.926.394.452	36.001.995.495	4.719.722.414	703.414.532	48.337.526.585

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 39.918 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 18.780 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 7.596 triệu VND (1/1/2015: 4.965 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 1/1/2015 và 30/6/2015	75.500.000.000	135.000.000	75.635.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1/1/2015	629.166.665	27.000.000	656.166.665
Khấu hao trong kỳ	755.000.000	13.500.001	768.500.001
Số dư tại ngày 30/6/2015	1.384.166.665	40.500.001	1.424.666.666
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1/1/2015	74.870.833.335	108.000.000	74.978.833.335
Số dư tại ngày 30/6/2015	74.115.833.335	94.499.999	74.210.333.334

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê	210.664.584.211	216.402.866.917

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất và nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 1/1/2015	245.008.056.665
Tăng trong kỳ	218.627.800
Số dư tại ngày 30/6/2015	245.226.684.465
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư tại ngày 1/1/2015	28.605.189.748
Khấu hao trong kỳ	5.956.910.506
Số dư tại ngày 30/6/2015	34.562.100.254
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 1/1/2015	216.402.866.917
Số dư tại ngày 30/6/2015	210.664.584.211

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn tại thời điểm cuối kỳ/năm bao gồm các tài sản có nguyên giá như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Khu biệt thự Sư Vạn Hạnh	91.573.301.205	91.573.301.205
Tòa nhà Miền Nam	127.853.444.183	127.853.444.183
Tầng 1 tại các khu chung cư	22.664.146.350	22.445.518.550
Sân tennis	3.135.792.727	3.135.792.727
	245.226.684.465	245.008.056.665

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	50.402.902.778	33.327.927.353
Tăng trong kỳ/năm	42.058.034.393	17.074.975.425
Số dư cuối kỳ/năm	92.460.937.171	50.402.902.778
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án tại Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	23.108.000.000	23.108.000.000
Dự án số 2 Hồng Hà, TP. Hồ Chí Minh	66.421.213.965	26.475.698.850
Khu đô thị Dịch Vọng	819.203.928	819.203.928
Dự án 34 Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	1.991.392.914	-
Khác	121.126.364	-
	92.460.937.171	50.402.902.778

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện trong hàng tồn kho	4.310.732.086	3.889.658.820
Lợi nhuận chưa thực hiện trong bất động sản đầu tư	2.115.034.737	2.289.024.998
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.425.766.823	6.178.683.818

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	19.638.816.992	4.320.539.738	17.229.154.211	3.790.413.926

Các khoản lỗi tính thuế của Tập đoàn bao gồm lỗi tính thuế của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Quốc tế Hà Đô, Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà và Công ty Cổ phần Hà Đô – 756 Sài Gòn.

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2017	Chưa quyết toán	8.291.551.201
2018	Chưa quyết toán	4.468.801.505
2019	Chưa quyết toán	4.468.801.505
2020	Chưa quyết toán	2.409.662.781
		19.638.816.992

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	10.269.276.879	10.269.276.879	16.635.263.423	16.635.263.423
Khác	193.013.936.873	193.013.936.873	272.633.215.711	272.633.215.711
	203.283.213.752	203.283.213.752	289.268.479.134	289.268.479.134

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	536.939.532.198	393.148.025.614
Khách hàng thương mại trả tiền trước	305.067.301.103	149.790.304.760
	<hr/>	<hr/>
	842.006.833.301	542.938.330.374
	<hr/>	<hr/>

20. Thuế phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2015
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.645.377.630	741.214.435	(34.477.233.343)	(2.090.641.278)
Thuế thu nhập cá nhân	(167.355.182)	203.869.676	(326.942.735)	(290.428.241)
Thuế khác	(270.750.240)	267.652.600	(134.705.791)	(137.803.431)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	31.207.272.208	1.212.736.711	(34.938.881.869)	(2.518.872.950)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2015
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	9.825.128.649	5.515.843.306	(13.548.743.183)	1.792.228.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.020.142.705	3.083.212.075	(5.380.550.993)	1.722.803.787
Thuế thu nhập cá nhân	304.300.011	2.528.465.765	(2.072.445.408)	760.320.368
Thuế khác	-	19.270.320	(19.270.320)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	14.149.571.365	11.146.791.466	(21.021.009.904)	4.275.352.927
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.517.391.218	523.532.272
Chi phí xây dựng	158.174.770.225	205.390.193.661
Chi phí phải trả khác	642.060.141	194.127.850
	<hr/>	<hr/>
	161.334.221.584	206.107.853.783
	<hr/>	<hr/>

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	530.563.341	717.593.374
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	337.431.721	45.012.998
Phí bảo trì các tòa nhà (*)	31.941.684.136	15.311.165.728
Cổ tức	176.400.000	294.000.000
Chi phí dự án	8.964.587.160	19.009.823.081
Các khoản phải trả khác	11.438.056.869	14.699.148.498
	<hr/>	<hr/>
	53.388.723.227	50.076.743.679
	<hr/>	<hr/>

(*) Phí bảo trì các tòa nhà là khoản phí 2% tính trên giá bán của các khu chung cư tại thời điểm chuyển giao căn hộ chung cư cho người mua. Khoản phí này sẽ được bàn giao lại toàn bộ cho Ban quản lý tòa nhà do khu dân cư đó bầu ra.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	48.891.324.925	48.891.324.925	156.761.322.774	(125.802.265.615)	79.850.382.084	79.850.382.084
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	1.245.200.000	1.245.200.000	1.985.800.000	(622.600.000)	2.608.400.000	2.608.400.000
	50.136.524.925	50.136.524.925	158.747.122.774	(126.424.865.615)	82.458.782.084	82.458.782.084

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh 1	(i)	VND	8%	20.402.323.813	8.802.265.615
Khoản vay Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Đồng Anh	(ii)	VND	7,5%	19.251.672.906	-
Vay cá nhân	(iii)	VND	8% - 12%	40.196.385.365	40.089.059.310
				79.850.382.084	48.891.324.925

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ hợp đồng thi công xây lắp các công trình Đại học Lâm nghiệp, Trung tâm Hành chính Huyện Long Hồ, Nhà khách Trung tâm Hội nghị Tỉnh Trà Vinh, Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp có giá trị ghi sổ 174.326 triệu VND (1/1/2015: 3.210 triệu VND).

(ii) Khoản vay ngắn hạn từ này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 10 tỷ VND và quyền sử dụng đất 3 tòa chung cư CT2, CT3, CT4 tại Khu Đô thị An Khánh - An Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

(iii) Khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và có kỳ hạn 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	29.518.399.154	2.702.500.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 23(a))	(2.608.400.000)	(1.245.200.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	26.909.999.154	1.457.300.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội					
- Chi nhánh Láng Hạ (i)	VND	13%	2016	954.400.000	1.336.000.000
Ngân hàng BIDV					
- Chi nhánh Ba Đình (ii)	VND	11%	2017	1.085.284.600	1.326.500.000
Ngân hàng BIDV					
- Chi nhánh Ba Đình (iii)	VND	9%	2027	23.235.808.554	-
Ngân hàng BIDV					
- Chi nhánh Ba Đình (iv)	VND	10%	2019	2.862.906.000	-
Ngân hàng BIDV					
- Chi nhánh Ba Đình (v)	VND	10%	2018	1.380.000.000	-
Khác	VND			-	40.000.000
				29.518.399.154	2.702.500.000

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cá nhân của lãnh đạo Tập đoàn.
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản cố định có giá trị ghi sổ là 2.407 triệu VND (1/1/2015: không được đảm bảo).
- (iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình với hạn mức tối đa là 350 tỷ VND dùng để thanh toán các chi phí đầu tư dự án “Tổ hợp Dịch vụ Thương mại tại Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh”. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu tiên. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền kinh doanh, quản lý khai thác đối với tài sản hình thành từ dự án này.
- (iv) Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị ghi sổ là 3.718 triệu VND.
- (v) Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị ghi sổ là 1.800 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	556.873.990.000	33.084.909.500	(903.030.000)	2.380.612.511	20.117.245.154	26.515.065.691	112.107.547.588	98.473.618.507	848.649.958.951
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	899.927.273	-	-	-	-	-	899.927.273
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	26.221.116.832	3.498.164.874	29.719.281.706
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(12.437.591.849)	-	-	-	-	(12.437.591.849)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	580.449.968	(580.449.968)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(27.842.821.250)	(676.846.500)	(28.519.667.750)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.286.642.745)	(369.086.864)	(4.655.729.609)
Biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	(392.765.089)	-	(392.765.089)
Số dư tại ngày 30/6/2014	556.873.990.000	33.084.909.500	(3.102.727)	(10.056.979.338)	20.117.245.154	27.095.515.659	105.225.985.368	100.925.850.017	833.263.413.633
Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã báo cáo trước đây	651.542.050.000	-	(6.210.000)	2.915.170.027	2.698.377.425	27.344.159.106	173.156.886.548	193.664.347.780	1.051.314.780.886
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 37)</i>	-	-	-	-	27.344.159.106	(27.344.159.106)	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015	651.542.050.000	-	(6.210.000)	2.915.170.027	30.042.536.531	-	173.156.886.548	193.664.347.780	1.051.314.780.886
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	-	135.125.000.000	135.125.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	17.664.241.822	3.165.033.873	20.829.275.695
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.511.599.856	-	-	-	-	1.511.599.856
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(13.759.928.300)	(13.759.928.300)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.125.722.704)	(101.576.716)	(4.227.299.420)
Biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(3.178.061.592)	-	2.740.334.203	(3.171.163.332)	(3.608.890.721)
Số dư tại ngày 30/6/2015	651.542.050.000	-	(6.210.000)	4.426.769.883	26.864.474.939	-	189.435.739.869	314.921.713.305	1.187.184.537.996

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	65.154.205	651.542.050.000	65.154.205	651.542.050.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	65.154.205	651.542.050.000	65.154.205	651.542.050.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(621)	(6.210.000)	(621)	(6.210.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	65.153.584	651.535.840.000	65.153.584	651.535.840.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần của Công ty trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	65.153.584	651.535.840.000	55.630.846	555.970.960.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	56.245	899.927.273
Số dư cuối kỳ	65.153.584	651.535.840.000	55.687.091	556.870.887.273

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	759.876	16.492.150.181	32.768	698.525.778
LAK	3.959.731.348	10.621.596.964	9.069.464.263	24.114.502.162
		27.113.747.145		24.813.027.940
		27.113.747.145		24.813.027.940

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	367.846.674.663	465.988.324.118
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	243.396.596.925	411.531.317.595
	611.243.271.588	877.519.641.713
	611.243.271.588	877.519.641.713

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần của Tập đoàn bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Tổng doanh thu:		
▪ Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.043.399.091	305.912.887.551
▪ Doanh thu hợp đồng xây dựng	206.494.699.113	228.475.946.810
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.982.498.337	9.707.616.530
▪ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	28.197.962.728	22.723.622.873
▪ Doanh thu khác	1.571.435.415	7.989.295.948
	246.289.994.684	574.809.369.712
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu:		
▪ Giảm giá hàng bán	(2.278.950.181)	(5.134.791.221)
Doanh thu thuần	244.011.044.503	569.674.578.491

29. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hoạt động kinh doanh bất động sản	860.980.909	286.258.727.870
▪ Hoạt động xây dựng	185.832.898.212	206.912.864.107
▪ Cung cấp dịch vụ	12.666.911.424	7.048.424.302
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	5.454.069.972	12.530.985.441
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	4.522.716.992
▪ Khác	1.091.279.864	3.068.084.270
	205.906.140.381	520.341.802.982

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	5.245.529.144	9.343.093.557
Lãi từ thu hồi khoản đầu tư	-	158.780.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	293.505.114	5.211.536
	<hr/>	<hr/>
	5.539.034.258	9.507.085.093

31. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.383.875.891	4.256.603.821
Chi phí tài chính khác	788.256	2.675.546
	<hr/>	<hr/>
	2.384.664.147	4.259.279.367

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.091.840.947	16.065.989.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.785.883.771	2.033.478.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.170.952.977	5.613.574.591
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.182.957.720	5.476.219.196
	<hr/>	<hr/>
	36.231.635.415	29.189.261.221

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	191.278.319.735	200.365.883.192
Chi phí nhân công	100.826.006.176	125.873.985.613
Chi phí khấu hao	15.755.176.349	15.317.021.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.326.879.337	90.234.144.843
Chi phí khác	22.864.865.446	18.228.455.804

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.168.264.820	4.617.755.498
Dự phòng thiếu trong những năm trước	656.161.690	-
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(247.083.005)	2.330.552.769
	3.577.343.505	6.948.308.267



(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	24.406.619.200	36.667.589.973
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn	5.369.456.224	8.066.869.794
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con (*)	(5.108.758)	(9.511.659)
Lỗi tính thuế chưa ghi nhận	530.125.812	526.511.627
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận	219.561.157	1.408.565.815
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.107.192.320	305.278.881
Thu nhập không bị tính thuế	(4.300.044.940)	(2.999.548.859)
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(13.260.373)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	656.161.690	-
Khác	-	(336.596.959)
	3.577.343.505	6.948.308.267

(c) Thuế suất áp dụng

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 22%). Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

(*) Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con phản ánh ảnh hưởng của việc tính thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế tại các công ty con có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ VND theo quy định trong Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(i) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	65.153.584	55.630.846
Phát hành lại cổ phiếu quỹ ngày 25 tháng 2 năm 2014	-	39.059
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	65.153.584	55.669.905

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông (*)	17.664.241.822	26.221.116.832
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	65.153.584	55.669.905
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	271	471

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do việc phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2015 và phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Công ty Cổ phần Za Hưng – Công ty liên kết		
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.475.697.514	1.480.649.404
Cổ tức nhận được	13.500.930.000	5.812.900.000
Cho vay và thu lại vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
Lãi tiền vay nhận được	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Đô – Công ty liên kết		
Bán hàng hóa và dịch vụ	540.000.000	540.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	4.328.646.463	1.063.996.692

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	106.935.727.762
Chứng khoán kinh doanh	3.221.745.749	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	89.758.148.680	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	13.955.833.333	-
Các khoản phải thu khác	-	11.725.227.873
Phải thu ngắn hạn khác	67.210.822.017	-
Tài sản ngắn hạn khác	189.659.421	55.675.253.565
Quỹ dự phòng tài chính	-	27.344.159.106
Quỹ đầu tư phát triển	30.042.536.531	2.698.377.425

27-08-2015

Người lập:

Phạm Hồng Hiếu
Kế toán viên

Người duyệt:

Chu Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông
Tổng Giám đốc

